

Số: /BC-HCC

Nghệ An, ngày tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Hoạt động tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An

(Từ ngày 15/11/2025 - 14/12/2025)

Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) báo cáo kết quả hoạt động tháng 12 năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong tháng: 17.092 hồ sơ.
- Số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 1.890 hồ sơ.
- Số hồ sơ đã, đang giải quyết đúng hạn, trước hạn: 17.042 hồ sơ, chiếm 99,71%.
- Số hồ sơ đã, đang giải quyết quá hạn: 50 hồ sơ, chiếm 0.29%.
- Hồ sơ trả lại/Rút: 124 hồ sơ.
- Hồ sơ chờ bổ sung: 149 hồ sơ.
- Số hồ sơ nộp trực tuyến: 12.828 hồ sơ, đạt 84,38%;
- Số lượt sử dụng dịch vụ công ích: 2.339 lượt bao gồm dịch vụ nộp và trả kết quả tại nhà.
- Hồ sơ của các thủ tục liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh): 18 hồ sơ. Trong đó:
 - + Đã có kết quả giải quyết: 03 hồ sơ.
 - + Chưa có kết quả: 15 hồ sơ.

* Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại, Rút
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, Đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	165	21	27	117	127	4	93,94	13	6	0	15
2	Sở Công Thương	394	32	72	290	333	0	100	53	0	1	7
3	Sở Ngoại vụ	2	0	0	2	0	0	100	0	0	0	2
4	Sở Tư Pháp	48	6	1	41	33	0	100	12	0	0	3
5	Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông nam Nghệ An	80	29	8	43	50	0	100	14	0	16	0
6	Sở Tài chính	114	93	15	6	4	0	100	60	0	40	10
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	88	6	0	82	76	0	100	9	0	0	3
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1060	205	0	855	807	0	100	148	0	75	30
9	Sở Nội vụ	828	233	134	461	636	29	96,26	155	2	1	5
10	Sở Y tế	992	408	0	584	607	5	99,5	358	0	13	9
11	Sở Xây dựng	1239	90	101	1048	1100	0	99,68	94	4	3	38

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại, Rút
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, Đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
12	Sở Khoa học và Công nghệ	60	7	0	53	47	0	100	11	0	0	2
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2	0	2	0	0	0	100	2	0	0	0
TỔNG CỘNG		5072	1130	360	3582	3820	38	99,01	929	12	149	124

* Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên các hệ thống chuyên ngành, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại, Rút
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, Đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Tron g hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
1	Sở Tài chính	2197	0	0	2197	1840	0	0	100	357	0	0
2	Bảo Hiểm xã hội tỉnh	9806	760	2014	7032	8209	0	0	100	1597	0	0
3	Công ty Điện lực Nghệ An	17	0	0	17	17	0	0	100	0	0	0
TỔNG CỘNG		12020	760	2014	9246	10066	0	0	100	1954	0	0

2. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp xã

Thống kê tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được ghi nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh từ ngày 15/11/2025 đến ngày 14/12/2025) như

sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 131.784 hồ sơ, Trong đó:
- Hồ sơ được tiếp nhận, xử lý thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 92.947 hồ sơ.
- Hồ sơ được tiếp nhận tại cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh: 38.837 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 24.291 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tiếp: 1.824 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến: 105.669 hồ sơ, đạt 98,3%.
- Tổng số hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã đã xử lý: 84.483 hồ sơ.

Thông kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cụ thể (*Phụ lục I, II kèm theo*)

3. Công tác Kiểm soát thủ tục hành chính.

- Đã tham mưu Văn phòng UBND tỉnh, UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh, ban hành các Chương trình, Kế hoạch từ đầu năm, các văn bản triển khai văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, các văn bản đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương trong giải quyết TTHC;

- Đã tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 30 văn bản¹ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tập trung đẩy mạnh thực hiện cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm tính đồng bộ, liên thông trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, nhất là các thủ tục liên quan đến người

¹ Các văn bản điển hình: Công văn số 12861/UBND-KSTT ngày 21/11/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; Công văn số 12989/UBND-KSTT ngày 24/11/2025 về việc triển khai Công điện số 202/CĐ-TTg ngày 18/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1570/VPUB-KSTT ngày 26/11/2025 về việc góp ý hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính năm 2025; Công văn số 13195/UBND-KSTT ngày 27/11/2025 triển khai Nghị định số 297/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ quy định thực hiện liên thông điện tử nhóm thủ tục hành chính; Công văn số 13295/UBND-KSTT ngày 29/11/2025 về việc tham mưu thống kê, rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền; Công văn số 13426/UBND-KSTT ngày 03/12/2025 về việc thực hiện Kế hoạch triển khai xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sử dụng thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 13777/UBND-KSTT ngày 10/12/2025 về việc triển khai Công văn số 7611/QLHC-P1 ngày 29/10/2025 của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Công văn số 1069/BC-UBND ngày 08/12/2025 về việc thống kê, rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền tỉnh Nghệ An; Công văn số 13771/UBND-KSTT ngày 10/12/2025 về việc báo cáo thống kê, rà soát thủ tục hành chính ở 03 cấp chính quyền; Công văn số 13766/UBND-KSTT ngày 10/12/2025 về việc kiểm soát chặt chẽ việc ban hành TTHC, rà soát bãi bỏ TTHC không cần thiết; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực chất việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; Công văn số 13775/UBND-KSTT ngày 10/12/2025 về việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính năm 2026; Công văn số 13846/UBND-KSTT ngày 11/12/2025 về việc rà soát, đề xuất ban hành danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính; Công văn số 14084/UBND-KSTT ngày 17/12/2025 về việc tham mưu triển khai Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính; Công văn số 14083/UBND-KSTT ngày 17/12/2025 về việc tham mưu triển khai Quyết định số 3458/QĐ-BTP ngày 10/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Công văn số 14120/UBND-KSTT ngày 17/12/2025 về việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của NHNN Việt Nam và cung cấp 32 DVCTT toàn trình; Công văn số 14191/UBND-KSTT ngày 19/12/2025 về việc thống kê, rà soát TTHC ở 3 cấp chính quyền...

dân, doanh nghiệp; hoạt động, vận hành của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 130 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã chủ động, khoa học và hiệu quả, không gián đoạn, cụ thể như sau:

- Tiếp tục công bố danh mục TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử áp dụng trên địa bàn tỉnh; cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC ngay sau khi Bộ, cơ quan ngang Bộ công bố TTHC; tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết quả, từ ngày 21/11/2025 đến ngày 20/12/2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 01 Quyết định công bố danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung; 06 Quyết định công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC; 06 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC với 70 TTHC cấp tỉnh (trong đó có 17 TTHC mới ban hành) và 01 TTHC cấp xã; 88 quy trình nội bộ, quy trình điện tử cấp tỉnh (trong đó có 17 quy trình TTHC mới ban hành) và 13 quy trình nội bộ, quy trình điện tử cấp xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã thiết lập quy trình điện tử, cấu hình dịch vụ công cho 100% trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

- Tham mưu công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, bám sát Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh;

- Trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành, đã tham mưu Văn phòng UBND tỉnh đã trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 20 Quyết định công bố Danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh với 2.141 TTHC² tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC không phân biệt cấp chính quyền địa giới hành chính nơi cư trú, nơi đặt trụ sở hoặc nơi đã cấp giấy tờ cho tổ chức, cá nhân;

4. Công tác phối hợp, đôn đốc, giám sát việc giải quyết hồ sơ TTHC

- Tiếp tục tham mưu chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ nộp, giải quyết trực tuyến, trong đó chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về lợi ích của việc nộp hồ sơ và giải quyết TTHC trực tuyến, đặc

² TTHC của các Sở, ngành: Văn hóa, Thể thao và Du lịch 184 TTHC (173 TTHC cấp tỉnh, 11 TTHC cấp xã), Nội vụ 91 TTHC (78 TTHC cấp tỉnh, 13 TTHC cấp xã), Ngoại vụ 09 TTHC, Nông nghiệp 384 TTHC (322 TTHC cấp tỉnh, 62 TTHC cấp xã); Giáo dục và Đào tạo 182 TTHC (119 TTHC cấp tỉnh, 63 TTHC cấp xã); Khoa học và Công nghệ 189 TTHC; Y tế 150 TTHC (131 TTHC cấp tỉnh, 19 TTHC cấp xã); Tư pháp 216 TTHC (154 TTHC cấp tỉnh, 62 TTHC cấp xã); Công Thương 316 TTHC (299 TTHC cấp tỉnh, 17 TTHC cấp xã), Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam 44 TTHC; Thanh tra 13 TTHC; Xây dựng 230 TTHC (190 TTHC cấp tỉnh, 40 TTHC cấp xã); Tài chính 129 TTHC; Dân tộc và Tôn giáo 04 TTHC.

biệt là dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Huy động sự tham gia tích cực của đội ngũ tình nguyện viên: Đoàn viên thanh niên; giáo viên tin học ... hỗ trợ các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; khắc phục các tồn tại, hạn chế, bất cập trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng thực chất, hiệu quả.

- Hoạt động của Trung tâm diễn ra ổn định, công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy trình đã được phê duyệt. Trung tâm tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện TTHC và giải đáp thắc mắc trực tiếp với cán bộ Sở, ban, ngành, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

- Hoạt động luân chuyển hồ sơ từ Trung tâm đến các đơn vị và nhận kết quả từ các đơn vị về Trung tâm thông qua dịch vụ Bưu điện Nghệ An cung cấp được triển khai đáp ứng đúng yêu cầu về thời gian, đảm bảo an toàn.

- Trung tâm chủ trì, phối hợp với Viễn thông Nghệ An, các cơ quan, đơn vị có liên quan khắc phục kịp thời các tồn tại, hạn chế, lỗi của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân thông suốt, hiệu quả, đáp ứng hoạt động vận hành mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp. Tiếp tục rà soát, nâng cấp, tối ưu hóa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt 24/7; hoàn thành việc thiết lập quy trình điện tử của các TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để phù hợp với quy định mới. Tính đến ngày 14/12/2025, Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 2.278 TTHC. Trong đó, cấp tỉnh 1.868 TTHC (901 TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình; 967 TTHC cung cấp DVC trực tuyến một phần); Cấp xã: 410 TTHC (171 TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình; 239 TTHC cung cấp DVC trực tuyến một phần);

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3971/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An, tham mưu Công văn số 13848/UBND-KSTT thực hiện báo cáo điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An với 07 chế độ báo cáo của 05 Sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Y tế và Văn phòng UBND tỉnh thực hiện các kỳ báo cáo từ tháng 12/2025;

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 290 phản ánh, kiến nghị (Trong đó: 281 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công quốc gia; 9 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận qua số điện thoại tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tỉnh); số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 159 số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0 phản ánh.

- Trung tâm tiếp tục tổ chức phân công cán bộ đầu mối hướng dẫn, hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã 24/7 hiệu quả. Triển khai các nhóm Zalo để thông báo, hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ kịp thời các vướng mắc, đồng hành với các xã trong hoạt động thực hiện thủ tục hành chính. Triển khai công tác tập huấn trực tiếp, hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng khai thác, sử dụng hệ thống thông tin cho các đơn vị.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC

1. Tại cấp tỉnh

- Công tác số hóa hồ sơ, tài liệu, lưu kho để khai thác, tái sử dụng đang gặp một số vấn đề tồn tại vướng mắc, chưa có danh mục chi tiết hồ sơ tài liệu cần lưu kho; chưa thực sự khai thác hiệu quả kho dữ liệu của cá nhân, tổ chức sau khi được số hóa, lưu trữ; hoạt động lưu kho một số thời điểm còn gặp sự cố lỗi kỹ thuật, chưa lưu trữ được tự động để giảm thao tác, thời gian cho cán bộ, công chức; Trong tháng hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh một số thời điểm gặp sự cố, hoạt động chậm ảnh hưởng đến hoạt động tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC.

2. Tại cấp xã

- Hệ thống đăng ký hộ kinh doanh của Bộ Tài chính và Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp chưa hoàn thành kết nối, tích hợp, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh dẫn đến khó khăn trong khâu tiếp nhận, giải quyết, khai thác và sử dụng;

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh

- Tiếp tục chủ động rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, đồng thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các TTHC để triển khai thực hiện. Rà soát, bổ sung kịp thời Chữ ký số để phục vụ hoạt động số hóa hồ sơ tại khâu tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC.

- Tiếp tục phối hợp với Trung tâm để triển khai các giải pháp tăng các chỉ tiêu theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

2. Đối với VNPT Nghệ An

Đề nghị phối hợp với Trung tâm để triển khai giải pháp nâng cao chất lượng, cải thiện tính năng, hiệu năng của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm

bảo vận hành thông suốt, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Trung tâm tháng 12/2025, Trung tâm báo cáo Lãnh đạo UBND tỉnh được biết và chỉ đạo triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Giám đốc TT PVHCC;
- UBND xã, phường;
- Công ty Điện lực NA;
- Bưu điện NA;
- Lưu VT, NVMC (D).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đình Mỹ

PHỤ LỤC I**Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp xã từ ngày
15/11/2025 đến ngày 14/12/2025***(Kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày /01/2026 của Trung tâm Phục vụ
hành chính công tỉnh Nghệ An)*

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
1	UBND phường Cửa Lò	57	1	1267	1259	99,92%	1325
2	UBND phường Hoàng Mai	63	0	1123	1164	100,00%	1186
3	UBND phường Quỳnh Mai	26	0	1638	1389	100,00%	1664
4	UBND phường Tân Mai	85	0	1130	966	100,00%	1215
5	UBND phường Tây Hiếu	56	0	737	766	100,00%	793
6	UBND phường Thái Hòa	94	5	707	753	99,30%	806
7	UBND phường Thành Vinh	256	4	2321	2237	99,83%	2581
8	UBND phường Trường Vinh	224	0	2164	2244	100,00%	2388
9	UBND phường Vinh Hưng	54	0	1244	1135	100,00%	1298
10	UBND phường Vinh Lộc	104	0	1774	1753	100,00%	1878
11	UBND phường Vinh Phú	197	1	1459	1496	99,93%	1657
12	UBND xã An Châu	174	0	1821	1890	100,00%	1995
13	UBND xã Anh Sơn	34	0	465	483	100,00%	499
14	UBND xã Anh Sơn Đông	1	0	276	196	100,00%	277
15	UBND xã Bạch Hà	81	0	321	395	100,00%	402
16	UBND xã Bạch Ngọc	29	0	397	418	100,00%	426
17	UBND xã Bắc Lý	10	3	14	26	82,35%	27
18	UBND xã Bích Hào	376	332	580	923	63,60%	1288
19	UBND xã Bình Chuẩn	5	0	53	54	100,00%	58
20	UBND xã Bình Minh	81	0	491	558	100,00%	572
21	UBND xã Cam Phục	13	0	43	49	100,00%	56
22	UBND xã Cát Ngạn	368	31	314	544	91,01%	713
23	UBND xã Con Cuông	53	7	582	568	98,81%	642
24	UBND xã Châu Bình	63	0	251	275	100,00%	314

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
25	UBND xã Châu Hồng	6	1	166	165	99,40%	173
26	UBND xã Châu Khê	26	15	199	215	92,99%	240
27	UBND xã Châu Lộc	5	5	87	90	94,57%	97
28	UBND xã Châu Tiến	92	128	275	459	68,24%	495
29	UBND xã Chiêu Lưu	5	0	127	128	100,00%	132
30	UBND xã Diễn Châu	99	34	1809	1646	98,16%	1942
31	UBND xã Đại Đồng	255	1	1801	1945	99,94%	2057
32	UBND xã Đại Huệ	29	0	660	649	100,00%	689
33	UBND xã Đô Lương	42	0	946	953	100,00%	988
34	UBND xã Đông Hiếu	51	0	350	364	100,00%	401
35	UBND xã Đông Lộc	87	0	1141	1160	100,00%	1228
36	UBND xã Đông Thành	66	0	836	828	100,00%	902
37	UBND xã Đức Châu	34	0	985	947	100,00%	1019
38	UBND xã Giai Lạc	80	0	525	462	100,00%	605
39	UBND xã Giai Xuân	31	0	219	214	100,00%	250
40	UBND xã Hải Châu	58	0	778	791	100,00%	836
41	UBND xã Hải Lộc	30	0	412	430	100,00%	442
42	UBND xã Hạnh Lâm	64	0	184	198	100,00%	248
43	UBND xã Hoa Quân	33	0	1087	996	100,00%	1120
44	UBND xã Hợp Minh	42	1	1168	1188	99,91%	1211
45	UBND xã Hùng Chân	23	0	225	225	100,00%	248
46	UBND xã Hùng Châu	62	0	629	667	100,00%	691
47	UBND xã Huồi Tụ	1	0	21	22	100,00%	22
48	UBND xã Hưng Nguyên	161	0	918	1020	100,00%	1079
49	UBND xã Hưng Nguyên Nam	99	0	978	1022	100,00%	1077
50	UBND xã Hữu Kiệm	1	0	133	132	100,00%	134
51	UBND xã Hữu Khuông	1	10	6	17	37,50%	17
52	UBND xã Keng Đu	0	0	250	250	100,00%	250

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
53	UBND xã Kim Bảng	124	31	376	366	92,38%	531
54	UBND xã Kim Liên	86	0	1309	1368	100,00%	1395
55	UBND xã Lam Thành	57	0	899	894	100,00%	956
56	UBND xã Lương Minh	1	0	262	262	100,00%	263
57	UBND xã Lương Sơn	10	0	430	436	100,00%	440
58	UBND xã Mậu Thạch	374	0	322	140	100,00%	696
59	UBND xã Minh Châu	119	0	1242	1249	100,00%	1361
60	UBND xã Minh Hợp	12	0	442	437	100,00%	454
61	UBND xã Môn Sơn	78	0	249	253	100,00%	327
62	UBND xã Mường Chông	11	0	196	193	100,00%	207
63	UBND xã Mường Ham	75	0	203	259	100,00%	278
64	UBND xã Mường Lống	1	0	65	66	100,00%	66
65	UBND xã Mường Quàng	47	5	153	167	96,84%	205
66	UBND xã Mường Típ	1	0	45	46	100,00%	46
67	UBND xã Mường Xén	2	0	302	299	100,00%	304
68	UBND xã Mỹ Lý	0	1	39	36	97,50%	40
69	UBND xã Na Loi	0	0	34	34	100,00%	34
70	UBND xã Na Ngoi	5	0	24	19	100,00%	29
71	UBND xã Nam Đàn	79	0	902	948	100,00%	981
72	UBND xã Nậm Cắn	0	0	63	62	100,00%	63
73	UBND xã Nga My	20	0	99	115	100,00%	119
74	UBND xã Nghi Lộc	89	0	1178	1023	100,00%	1267
75	UBND xã Nghĩa Đàn	54	0	446	437	100,00%	500
76	UBND xã Nghĩa Đồng	20	0	251	240	100,00%	271
77	UBND xã Nghĩa Hành	51	0	306	338	100,00%	357
78	UBND xã Nghĩa Hưng	62	0	424	456	100,00%	486
79	UBND xã Nghĩa Khánh	67	0	367	372	100,00%	434
80	UBND xã Nghĩa Lâm	79	0	501	536	100,00%	580

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
81	UBND xã Nghĩa Lộc	30	0	435	428	100,00%	465
82	UBND xã Nghĩa Mai	93	0	383	411	100,00%	476
83	UBND xã Nghĩa Thọ	48	0	467	475	100,00%	515
84	UBND xã Nhân Hòa	79	0	581	591	100,00%	660
85	UBND xã Nhôn Mai	0	0	231	231	100,00%	231
86	UBND xã Phúc Lộc	38	0	863	695	100,00%	901
87	UBND xã Quan Thành	43	0	621	657	100,00%	664
88	UBND xã Quảng Châu	74	0	803	833	100,00%	877
89	UBND xã Quang Đồng	10	0	566	539	100,00%	576
90	UBND xã Quế Phong	81	1	318	361	99,69%	400
91	UBND xã Quỳnh Châu	111	1	527	508	99,81%	639
92	UBND xã Quỳnh Hợp	86	0	1099	1092	100,00%	1185
93	UBND xã Quỳnh Anh	37	0	1014	1033	100,00%	1051
94	UBND xã Quỳnh Lưu	132	0	1735	1777	100,00%	1867
95	UBND xã Quỳnh Phú	106	1	2103	2077	99,95%	2210
96	UBND xã Quỳnh Sơn	71	0	1488	1514	100,00%	1559
97	UBND xã Quỳnh Tam	31	0	694	701	100,00%	725
98	UBND xã Quỳnh Thắng	66	0	317	340	100,00%	383
99	UBND xã Quỳnh Văn	47	0	817	810	100,00%	864
100	UBND xã Sơn Lâm	6	0	279	280	100,00%	285
101	UBND xã Tam Đồng	64	0	682	607	100,00%	746
102	UBND xã Tam Hợp	36	0	744	728	100,00%	780
103	UBND xã Tam Quang	24	0	539	553	100,00%	563
104	UBND xã Tam Thái	90	0	179	269	100,00%	269
105	UBND xã Tân An	25	0	233	236	100,00%	258
106	UBND xã Tân Châu	117	0	2039	2091	100,00%	2156
107	UBND xã Tân Kỳ	61	0	1879	1861	100,00%	1940
108	UBND xã Tân Phú	97	0	522	342	100,00%	619

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
109	UBND xã Tiên Đồng	7	0	460	397	100,00%	467
110	UBND xã Tiên Phong	21	0	124	118	100,00%	145
111	UBND xã Tương Dương	66	0	682	731	100,00%	748
112	UBND xã Thành Bình Thọ	0	0	260	259	100,00%	260
113	UBND xã Thần Lĩnh	30	0	588	565	100,00%	618
114	UBND xã Thiên Nhẫn	20	0	621	627	100,00%	641
115	UBND xã Thông Thụ	3	0	98	99	100,00%	101
116	UBND xã Thuần Trung	12	0	577	527	100,00%	589
117	UBND xã Tri Lễ	13	2	149	157	98,68%	164
118	UBND xã Trung Lộc	15	0	658	660	100,00%	673
119	UBND xã Vạn An	117	0	1171	1202	100,00%	1288
120	UBND xã Văn Hiến	147	0	753	889	100,00%	900
121	UBND xã Văn Kiều	88	0	894	858	100,00%	982
122	UBND xã Vân Du	104	0	228	293	100,00%	332
123	UBND xã Vân Tụ	27	0	831	831	100,00%	858
124	UBND xã Vĩnh Tường	87	0	737	816	100,00%	824
125	UBND xã Xuân Lâm	117	0	721	667	100,00%	838
126	UBND xã Yên Hòa	2	0	236	235	100,00%	238
127	UBND xã Yên Na	0	0	81	80	100,00%	81
128	UBND xã Yên Thành	173	0	1543	1534	100,00%	1716
129	UBND xã Yên Trung	116	0	705	708	100,00%	821
130	UBND xã Yên Xuân	38	0	418	415	100,00%	456
Tổng		8.417	621	83.909	84.483	99,27%	92.947

PHỤ LỤC II

Thông kê số liệu hồ sơ lĩnh vực đất đai được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai từ ngày 15/11/2025 đến ngày 14/12/2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày /01/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An)

TT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
1	UBND Phường Cửa Lò	730	0	388	1045	100,00%	1118
2	UBND Phường Hoàng Mai	424	0	264	646	100,00%	688
3	UBND Phường Quỳnh Mai	313	1	320	586	99,69%	634
4	UBND Phường Tân Mai	499	0	863	1277	100,00%	1362
5	UBND Phường Tây Hiếu	146	0	272	383	100,00%	418
6	UBND phường Thái Hòa	164	0	351	461	100,00%	515
7	UBND Phường Thành Vinh	1406	405	2748	4380	87,16%	4559
8	UBND Phường Trường Vinh	1	1	16	17	94,12%	18
9	UBND Phường Vinh Hưng	125	0	204	328	100,00%	329
10	UBND Phường Vinh Lộc	179	0	288	424	100,00%	467
11	UBND Phường Vinh Phú	393	0	217	584	100,00%	610
12	UBND xã An Châu	127	0	214	297	100,00%	341
13	UBND xã Anh Sơn	107	0	347	413	100,00%	454
14	UBND xã Anh Sơn Đông	10	0	27	33	100,00%	37
15	UBND Xã Bạch Hà	0	0	0	0	0,00%	0
16	UBND Xã Bạch Ngọc	0	0	14	14	100,00%	14
17	UBND Xã Bắc Lý	0	0	0	0	0,00%	0
18	UBND Xã Bích Hào	110	85	4	159	4,49%	199
19	UBND xã Bình Chuẩn	3	2	0	3	0,00%	5
20	UBND xã Bình Minh	93	1	49	125	98,00%	143
21	UBND Xã Cam Phục	12	5	1	11	16,67%	18
22	UBND xã Cát Ngạn	61	45	15	110	25,00%	121
23	UBND xã Con Cuông	174	146	40	245	21,51%	360
24	UBND Xã Châu Bình	7	0	22	16	100,00%	29

TT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
25	UBND Xã Châu Hồng	4	0	6	5	100,00%	10
26	UBND xã Châu Khê	34	19	4	35	17,39%	57
27	UBND xã Châu Lộc	2	5	3	7	37,50%	10
28	UBND xã Châu Tiến	12	15	11	26	42,31%	38
29	UBND Xã Chiêu Lưu	0	0	1	1	100,00%	1
30	UBND xã Diễn Châu	270	0	1278	1478	100,00%	1548
31	UBND xã Đại Đồng	655	0	605	1136	100,00%	1260
32	UBND xã Đại Huệ	22	0	105	102	100,00%	127
33	UBND xã Đô Lương	24	0	565	559	100,00%	589
34	UBND xã Đông Hiếu	139	0	279	359	100,00%	418
35	UBND xã Đông Lộc	246	0	454	608	100,00%	700
36	UBND xã Đông Thành	0	0	0	0	0,00%	0
37	UBND xã Đức Châu	20	0	29	46	100,00%	49
38	UBND Xã Giai Lạc	27	0	0	27	0,00%	27
39	UBND Xã Giai Xuân	23	0	31	43	100,00%	54
40	UBND Xã Hải Châu	77	0	122	177	100,00%	199
41	UBND Xã Hải Lộc	38	0	80	102	100,00%	118
42	UBND Xã Hạnh Lâm	55	0	34	74	100,00%	89
43	UBND Xã Hoa Quân	168	6	88	233	93,62%	262
44	UBND Xã Hợp Minh	41	14	0	49	0,00%	55
45	UBND Xã Hùng Chân	3	2	10	12	83,33%	15
46	UBND Xã Hùng Châu	76	0	129	188	100,00%	205
47	UBND Xã Huồi Tụ	0	0	0	0	0,00%	0
48	UBND Xã Hưng Nguyên	417	0	1079	1357	100,00%	1496
49	UBND Xã Hưng Nguyên Nam	197	0	238	330	100,00%	435
50	UBND Xã Hữu Kiệm	1	7	1	8	12,50%	9
51	UBND Xã Hữu Khuông	0	0	0	0	0,00%	0
52	UBND Xã Keng Đu	0	0	0	0	0,00%	0

TT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
53	UBND Xã Kim Bảng	147	43	47	211	52,22%	237
54	UBND Xã Kim Liên	92	0	361	356	100,00%	453
55	UBND Xã Lam Thành	166	0	172	271	100,00%	338
56	UBND Xã Lương Minh	0	0	0	0	0,00%	0
57	UBND Xã Lương Sơn	2	0	54	56	100,00%	56
58	UBND Xã Mậu Thạch	16	1	1	14	50,00%	18
59	UBND Xã Minh Châu	128	0	177	289	100,00%	305
60	UBND Xã Minh Hợp	39	0	74	96	100,00%	113
61	UBND Xã Môn Sơn	64	22	19	85	46,34%	105
62	UBND Xã Mường Chông	2	0	0	2	0,00%	2
63	UBND Xã Mường Ham	5	0	11	9	100,00%	16
64	UBND Xã Mường Lống	1	0	1	2	100,00%	2
65	UBND Xã Mường Quàng	3	2	0	3	0,00%	5
66	UBND Xã Mường Típ	0	0	1	0	100,00%	1
67	UBND Xã Mường Xén	8	3	13	20	81,25%	24
68	UBND Xã Mỹ Lý	0	0	0	0	0,00%	0
69	UBND Xã Na Loi	0	0	0	0	0,00%	0
70	UBND Xã Na Ngoi	0	0	0	0	0,00%	0
71	UBND Xã Nam Đàn	35	0	183	176	100,00%	218
72	UBND xã Nậm Cắn	0	0	0	0	0,00%	0
73	UBND Xã Nga My	4	0	1	5	100,00%	5
74	UBND Xã Nghi Lộc	253	0	961	1108	100,00%	1214
75	UBND xã Nghĩa Đàn	503	13	621	1077	97,95%	1137
76	UBND xã Nghĩa Đồng	63	0	98	124	100,00%	161
77	UBND Xã Nghĩa Hành	46	0	53	83	100,00%	99
78	UBND Xã Nghĩa Hưng	141	0	85	210	100,00%	226
79	UBND Xã Nghĩa Khánh	288	0	132	396	100,00%	420
80	UBND Xã Nghĩa Lâm	70	0	43	101	100,00%	113

TT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
81	UBND Xã Nghĩa Lộc	176	0	106	261	100,00%	282
82	UBND xã Nghĩa Mai	100	0	56	141	100,00%	156
83	UBND xã Nghĩa Thọ	158	0	68	215	100,00%	226
84	UBND xã Nhân Hòa	35	0	80	98	100,00%	115
85	UBND xã Nhôn Mai	0	0	0	0	0,00%	0
86	UBND xã Phúc Lộc	129	0	159	256	100,00%	288
87	UBND xã Quan Thành	137	67	0	191	0,00%	204
88	UBND xã Quảng Châu	62	0	122	168	100,00%	184
89	UBND xã Quang Đồng	1	0	1	2	100,00%	2
90	UBND xã Quế Phong	52	42	42	100	50,00%	136
91	UBND xã Quỳ Châu	38	45	54	119	54,55%	137
92	UBND xã Quỳ Hợp	255	0	506	624	100,00%	761
93	UBND xã Quỳnh Anh	419	16	266	652	94,33%	701
94	UBND xã Quỳnh Lưu	595	0	708	1218	100,00%	1303
95	UBND xã Quỳnh Phú	333	0	256	528	100,00%	589
96	UBND xã Quỳnh Sơn	254	0	123	334	100,00%	377
97	UBND xã Quỳnh Tam	460	0	252	614	100,00%	712
98	UBND xã Quỳnh Thắng	234	1	62	263	98,41%	297
99	UBND xã Quỳnh Văn	3	0	6	3	100,00%	9
100	UBND xã Sơn Lâm	9	9	0	16	0,00%	18
101	UBND xã Tam Đồng	95	2	87	153	97,75%	184
102	UBND xã Tam Hợp	100	0	102	173	100,00%	202
103	UBND xã Tam Quang	7	0	8	11	100,00%	15
104	UBND xã Tam Thái	7	0	3	5	100,00%	10
105	UBND xã Tân An	65	0	72	116	100,00%	137
106	UBND xã Tân Châu	59	2	160	210	98,77%	221
107	UBND xã Tân Kỳ	238	0	381	489	100,00%	619
108	UBND xã Tân Phú	130	0	138	217	100,00%	268

TT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Thực tiếp	Thực tuyển	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyển	Tổng HS tiếp nhận
109	UBND xã Tiên Đồng	19	0	47	43	100,00%	66
110	UBND xã Tiên Phong	7	0	0	7	0,00%	7
111	UBND xã Tương Dương	22	0	51	52	100,00%	73
112	UBND xã Thành Bình Thọ	21	15	20	43	57,14%	56
113	UBND xã Thần Lĩnh	92	0	158	227	100,00%	250
114	UBND xã Thiên Nhẫn	75	0	199	208	100,00%	274
115	UBND xã Thông Thụ	3	0	0	3	0,00%	3
116	UBND xã Thuần Trung	7	0	3	9	100,00%	10
117	UBND xã Tri Lễ	3	1	0	4	0,00%	4
118	UBND xã Trung Lộc	114	0	172	253	100,00%	286
119	UBND xã Vạn An	101	0	847	845	100,00%	948
120	UBND xã Văn Hiến	0	0	6	6	100,00%	6
121	UBND xã Văn Kiêu	187	0	308	443	100,00%	495
122	UBND xã Vân Du	2	0	23	23	100,00%	25
123	UBND xã Vân Tụ	136	66	0	173	0,00%	202
124	UBND xã Vĩnh Tường	46	0	98	120	100,00%	144
125	UBND xã Xuân Lâm	220	0	173	330	100,00%	393
126	UBND xã Yên Hòa	6	0	2	8	100,00%	8
127	UBND xã Yên Na	0	0	0	0	0,00%	0
128	UBND xã Yên Thành	711	94	747	1486	88,82%	1552
129	UBND xã Yên Trung	211	0	133	279	100,00%	344
130	UBND xã Yên Xuân	29	0	31	46	100,00%	60
Tổng		15.874	1.203	21.760	34.998	94,76%	38.837